

Số: 13/2025/QĐST-HNGĐ

N, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1981;

- Bị đơn: Ông Hiếu, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22-4-2025.

XÉT THẤY:

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà T và ông H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H thỏa thuận thuận tình ly hôn; hôn nhân giữa ông bà chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (ngày 05-5-2025).

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung gồm anh Th, sinh ngày 05-5-2001; chị H, sinh ngày 08-5-2004 đã thành niên và tự lập được ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với T, sinh ngày 04-8-2008, sau khi ly hôn ông bà thống nhất giao cho ông H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con cho đến khi

con thành niên và có khả năng lao động. Ông H tự nguyện không yêu cầu bà T phải đóng góp nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 144 và các khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà T và ông H mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; bà T nhận nộp thay phần án phí của ông H; tổng cộng bà T phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Bà T được khấu trừ 150.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí và được nhận lại 150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0002196 ngày 02/4/2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- UBND P (nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo